

Số: 79/2022/QĐST-HNGĐ

Càng Long, ngày 12 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: 29*/18, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/5/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: 29*/18, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre với anh Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Huỳnh Thanh T1 tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

Về con chung: có 03 người tên Huỳnh Đức T2, sinh ngày 03/10/2005; Huỳnh P, sinh ngày 15/4/2009 và Huỳnh N, sinh ngày 20/7/2011. Các cháu T2, P và N cùng có nguyện vọng được sống với anh T1 sau khi cha mẹ ly hôn. Chị T và anh T1 tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con như sau:

Anh Huỳnh Thanh T1 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung tên Huỳnh Đức T2, sinh ngày 03/10/2005; Huỳnh P, sinh ngày 15/4/2009 và Huỳnh N, sinh ngày 20/7/2011.

Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T1 và chị T không yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Về tài sản chung: chị T và anh T1 không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0010278, ngày 29/4/2022 do chị T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí chênh lệch. Anh Huỳnh Thanh T1 không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Tòa án tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung